

Số:518 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 13/4/2022 đến 16h00 ngày 14/4/2022)**

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 502,2 triệu ca, trên 6,2 triệu ca tử vong.

Phân tích từ một hệ thống dữ liệu tại Israel cho thấy mũi vaccine thứ 4 ngừa COVID-19 có thể giúp giảm khoảng 75% nguy cơ tử vong ở người trên 60 tuổi. Ngoài ra, mũi vaccine thứ 4 còn có thể giảm 62% nguy cơ bệnh chuyển nặng, giảm 68% nguy cơ nhập viện, 55% nguy cơ xuất hiện các triệu chứng khi nhiễm COVID-19, và giảm 45% nguy cơ mắc bệnh. Từ dữ liệu trên, Phó Giáo sư về vi sinh vật học tế bào tại Đại học Reading của Anh, ông Simon Clarke, khuyến nghị Chính phủ Anh triển khai tiêm mũi vaccine thứ 4 ngừa COVID-19 cho tất cả những người trên 60 tuổi, thay vì chỉ nhắm đến nhóm người trên 75 tuổi như hiện nay. Ông Clarke nhấn mạnh sự cần thiết phải hạ độ tuổi đủ điều kiện tiêm mũi thứ 4 trong nhóm người cao tuổi. Tuy nhiên, một số chuyên gia khác cho rằng lợi ích của mũi tiêm thứ 4 trong việc ngăn chặn số ca tử vong không cao hơn so với mũi thứ 3.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 14/4/2022, cả nước ghi nhận 10.320.599 ca mắc, trong đó 10.314.422 ca trong nước. Đến nay đã có 8.856.627 người khỏi bệnh, 42.878 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 10.317.747 ca, trong đó có 10.312.852 ca trong nước, 8.853.810 người đã khỏi bệnh (85,8%), 42.843 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 23.012 ca dương tính, trong đó có 23.012 ca ghi nhận trong nước tại 62 tỉnh thành phố: Hà Nội (1.677), Phú Thọ (1.279), Nghệ An (976), Yên Bái (945), Vĩnh Phúc (936), Quảng Ninh (897), Hồ Chí Minh (877), Đắk Lắk (850), Lào Cai (748), Tuyên Quang (729), Bắc Kạn (715), Bắc Giang (682), Hải Dương (651), Bắc Ninh (629), Quảng Bình (626), Thái Nguyên (587), Lạng Sơn (520), Thái Bình (516), Lâm Đồng (489), Cao Bằng (429), Hưng Yên (407), Quảng Trị (387), Ninh Bình (360), Sơn La (350), Nam Định (335), Gia Lai (323), Đà Nẵng (316), Điện Biên (300), Hà Tĩnh (273), Tây Ninh (267), Hà Nam (254), Bình Định (252), Lai Châu (244), Bình Phước (244), Hòa Bình (234), Quảng Nam (232), Vĩnh Long (227), Bến Tre (216), Cà Mau (211), Đắk Nông (207), Bình Dương (194), Quảng Ngãi (152), Hải Phòng (151), Bà Rịa - Vũng Tàu (143), Hà Giang (113), Thanh Hóa (112), Thừa Thiên Huế (94),

Khánh Hòa (92), Phú Yên (82), Long An (81), Đồng Tháp (79), Bình Thuận (67), Kiên Giang (50), An Giang (43), Bạc Liêu (32), Trà Vinh (28), Kon Tum (25), Ninh Thuận (22), Cần Thơ (18), Đồng Nai (16), Sóc Trăng (16), Hậu Giang (5).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Bắc Ninh (+195), Quảng Bình (+154), Ninh Bình (+115).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Phú Thọ (-348), Hải Dương (-246), Vĩnh Phúc (-211).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 18.570 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 80,7% tổng số mắc trong ngày), giảm 1.253 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 957 ca thông qua sàng lọc (giảm 182 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 305.483 ca.

+ TP. Hồ Chí Minh: Trong ngày ghi nhận 877 ca thông qua sàng lọc (tăng 29 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 604.853 ca.

+ Tỉnh Quảng Ninh: Trong ngày ghi nhận 806 ca cộng đồng (giảm 15 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 327.141 ca.

+ Tỉnh Vĩnh Phúc: Trong ngày ghi nhận 795 ca cộng đồng (giảm 224 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 358.330 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm so với 7 ngày trước đó: Đắk Lắk (giảm 8.474 ca), Quảng Ninh (giảm 7.556 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 8.853.810 người đã khỏi bệnh (85,8%), tăng 85.633 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.421.094 trường hợp, trong đó có 1.161 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 851 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 93; (3) Thở máy không xâm lấn: 30; (4) Thở máy xâm lấn: 184 (5) Thở ECMO: 3.

- Trong ngày 13/4, ghi nhận 20 trường hợp tử vong (giảm 8 ca so với ngày trước đó), tại: Bạc Liêu (3 ca trong 2 ngày), Cần Thơ (3), Kiên Giang (3), Đồng Nai (2), Đồng Tháp (2), Bắc Kạn (1), Bắc Ninh (1), Bến Tre (1), Hậu Giang (1), Lâm Đồng (1), Ninh Bình (1), Phú Yên (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Triển khai Lễ phát động hưởng ứng "Tuần lễ tiêm chủng năm 2022" và phát động chiến dịch tiêm chủng vaccine phòng COVID-19 cho trẻ 5 - dưới 12 tuổi diễn ra sáng 14/4 do Bộ Y tế và UBND tỉnh Quảng Ninh phối hợp.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng,

chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 13/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 45.017.087 mẫu cho 89.295.737 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 39.277.390 mẫu tương đương 85.547.798 lượt người, tăng 32.922 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 7.054.164 mẫu gộp cho 49.854.528 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Từ tháng 3/2021 đến ngày 14/4/2022, đã tiếp nhận 233,8 triệu liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=2+3+4+5	
1	AstraZeneca	31.436.236	34.086.840	13.572.980	20.127.460	386.400	65.523.076
2	Pfizer	50.999.130	43.324.890	38.732.850	4.592.040	0	94.324.020
3	Moderna	0	14.998.760	14.957.960	40.800	0	14.998.760
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	126.430.688	67.324.990	32.242.300	26.863.398	233.866.054
II	Số vắc xin đã phân bổ						211.318.576
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin còn lại chưa phân bổ¹						22.047.478

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 233,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 211,3 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 22 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 13/4/2022

Cả nước đã tiêm 208.967.215 liều (trong ngày tiêm được 199.753 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 99,0% số vắc xin phân bổ 141 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ²	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	100%	51,8%

¹ 22 triệu liều chưa phân bổ gồm: 7 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer và 0,9 triệu liều vắc xin Moderna do Chính phủ Úc viện trợ; 11,8 triệu liều Pfizer do COVAX viện trợ.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

Trẻ em (12-17 tuổi)	100%	95,7%	-
---------------------	------	-------	---

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 191.733.998 liều:

+ Mũi 1: 71.406.889 liều

+ Mũi 2: 70.013.360 liều ; Mũi bổ sung: 15.047.831 liều.

+ Mũi 3: 35.265.918 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.233.217 liều:

+ Mũi 1: 8.822.471 liều

+ Mũi 2: 8.410.746 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Kể từ khi xuất hiện, sau hơn hai năm dịch COVID-19 do các biến thể mới của SARS-CoV-2 liên tục xuất hiện, khiến quá trình lây lan nhanh hơn và mức độ nhiễm bệnh nhiều hơn so với chủng ban đầu³. Đến nay, hầu hết các quốc gia đã nới lỏng các biện pháp phòng chống dịch COVID-19, một số quốc gia Đông Nam Á đã đưa ra tiêu chí để coi COVID-19 là bệnh lưu hành như Indonesia, Thái Lan⁴. Trong khi đó, Trung Quốc vẫn duy trì chiến lược "Zero Covid" và hàng loạt các biện pháp phong tỏa, cách ly và xét nghiệm quy mô lớn để ngăn chặn sự lây lan của dịch. Dịch COVID-19 đang có diễn biến phức tạp tại Thượng Hải, Hồng Kông. Tại Việt Nam, dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Từ cuối tháng 12/2021, sau khi ghi nhận ca mắc đầu tiên biến thể Omicron, số mắc cả nước tăng cao nhất trong 03 tuần đầu của tháng 3 do biến thể Omicron đã chiếm chủ đạo về số mắc, sau đó giảm mạnh từ cuối tháng 3 đến nay, số ca mắc cộng đồng trung bình 25.000 ca/ngày và tử vong trung bình 25 ca/ngày trong 7 ngày qua.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các địa phương

1.1. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

1.2. Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay khi có vắc xin.

Biến thể Alpha (ghi nhận tại Anh); Beta (Nam Phi); Gamma (Brazil), Delta (Ấn Độ), MU (Colombia), Omicron (Nam Phi) với nhiều biến thể phụ BA.1, BA.2, biến thể IHU (Pháp), gần đây là biến thể XE.

Báo cáo số 1031/BC-BNG-THKT ngày 22/3/2022 của Bộ Ngoại giao.

1.4. Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

2. Bộ Y tế:

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin theo kế hoạch; đảm bảo cung ứng vắc xin đầy đủ và chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm chủng cho nhóm trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin. Tiếp tục nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về việc tiêm mũi tăng cường 4 và tiêm cho trẻ dưới 5 tuổi.

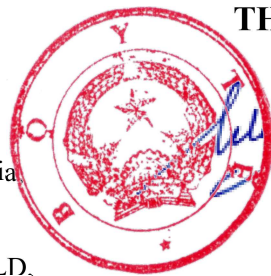
2.2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cập nhật các hướng dẫn chuyên môn trong phòng chống dịch trong giám sát, điều trị đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

2.3. Tiếp tục đảm bảo thuốc điều trị; tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

3. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, nhất là nhóm 5 đến dưới 12 tuổi. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà; tăng cường truyền thông về tiêm chủng và vận động đưa trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 an toàn.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 13/4	Số mắc ngày 14/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 14/4	Số tử vong tích lũy đến 13/4
Có lấy nhiễm thử phát trong 14 ngày qua:		24.623	23.012	-1611	10.312.650	42.843
1	Hà Nội	1.727	1.677	-50	1.529.619	1.221
2	Hồ Chí Minh	848	877	29	604.853	20.475
3	Nghệ An	989	976	-13	419.652	144
4	Bình Dương	260	194	-66	382.306	3.459
5	Bắc Giang	730	682	-48	378.008	91
6	Vĩnh Phúc	1147	936	-211	358.330	19
7	Hải Dương	897	651	-246	355.789	115
8	Bắc Ninh	434	629	195	335.898	133
9	Quảng Ninh	914	897	-17	327.141	138
10	Phú Thọ	1.627	1279	-348	305.483	91
11	Nam Định	390	335	-55	291.350	148
12	Thái Bình	511	516	5	261.049	23
13	Hưng Yên	464	407	-57	236.299	5
14	Hòa Bình	422	234	-188	201.825	104
15	Thái Nguyên	566	587	21	178.618	110
16	Lào Cai	752	748	-4	173.924	37
17	Thanh Hóa	136	112	-24	165.503	104
18	Đắc Lắc	943	850	-93	164.086	177
19	Lạng Sơn	513	520	7	153.364	84
20	Cà Mau	286	211	-75	149.082	352
21	Tuyên Quang	779	729	-50	149.022	14
22	Sơn La	425	350	-75	147.147	
23	Yên Bái	972	945	-27	140.993	13
24	Bình Định	169	252	83	137.245	278
25	Tây Ninh	357	267	-90	135.740	868
26	Quảng Bình	472	626	154	121.507	75
27	Hải Phòng	169	151	-18	118.918	135
28	Hà Giang	118	113	-5	118.757	80
29	Khánh Hòa	98	92	-6	117.268	350
30	Bình Phước	255	244	-11	116.267	220
31	Đồng Nai	15	16	1	106.545	1.846
32	BRVT	228	143	-85	104.263	483
33	Đà Nẵng	383	316	-67	99.808	326
34	Vĩnh Long	248	227	-21	98.770	810
35	Ninh Bình	245	360	115	97.141	90
36	Bến Tre	135	216	81	95.360	468
37	Cao Bằng	548	429	-119	91.535	53
38	Lâm Đồng	562	489	-73	88.689	135
39	Điện Biên	235	300	65	85.883	19
40	Hà Nam	238	254	16	81.570	61
41	Quảng Trị	336	387	51	78.955	36
42	Lai Châu	316	244	-72	71.357	
43	Bắc Kạn	850	715	-135	68.919	27
44	Trà Vinh	58	28	-30	65.307	292
45	Gia Lai	287	323	36	63.968	111

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 13/4	Số mắc ngày 14/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 14/4	Số tử vong tích lũy đến 13/4
46	Đắc Nông	136	207	71	52.479	46
47	Phú Yên	88	82	-6	51.760	135
48	Bình Thuận	149	67	-82	51.779	468
49	Đồng Tháp	32	79	47	50.333	991
50	Cần Thơ	4	18	14	49.345	937
51	Long An	59	81	22	48.454	990
52	Quảng Nam	239	232	-7	47.136	137
53	Hà Tĩnh	286	273	-13	46.911	48
54	Bạc Liêu	32	32	0	46.121	467
55	Quảng Ngãi	237	152	-85	46.262	122
56	T.T.Huế	116	94	-22	45.631	172
57	An Giang	61	43	-18	40.889	1.376
58	Kiên Giang	81	50	-31	39.530	1.007
59	Tiền Giang	3		-3	36.184	1.220
60	Sóc Trăng	17	16	-1	34.490	621
61	Kon Tum	22	25	3	26.110	
62	Hậu Giang	3	5	2	17.452	229
63	Ninh Thuận	4	22	18	8.671	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	24.623	23.012	-1.611	10.312.852	42.843

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 13/4/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 141 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 141 đợt
1	Hà Nội	17.786.564	6.233.349	6.010.234	0	217.362	4.376.101	702.629	679.949	18.219.624	102,4%
2	Hải Phòng	4.431.396	1.699.428	1.627.453	0	578.875	452.327	173.649	174.568	4.706.300	106,2%
3	Thái Bình	3.438.950	1.162.071	1.199.646	98.645	297.541	484.170	154.067	147.025	3.543.165	103,0%
4	Nam Định	3.288.750	1.149.964	1.133.073	0	57.360	909.522	158.975	156.350	3.565.244	108,4%
5	Hà Nam	1.826.260	584.781	576.262	0	277.293	305.765	71.440	69.249	1.884.790	103,2%
6	Ninh Bình	1.881.900	675.426	668.271	0	235.215	363.910	82.255	79.446	2.104.523	111,8%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	430.326	1.748.660	283.977	281.834	7.385.430	95,5%
8	Bắc Giang	3.707.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.101.369	149.985	149.460	4.154.361	112,1%
9	Bắc Ninh	3.217.100	1.137.912	1.096.477	0	360.518	548.365	116.900	111.006	3.371.178	104,8%
10	Phú Thọ	2.731.680	1.003.254	1.001.160	0	287.509	417.444	130.530	126.981	2.966.878	108,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt
11	Vĩnh Phúc	2.423.070	795.389	774.326	0	242.994	402.159	117.004	113.134	2.445.006	100,9%
12	Hải Dương	3.666.076	1.336.379	1.292.089	6.607	101.848	667.632	157.247	155.092	3.716.894	101,4%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	310.914	385.763	110.591	110.075	2.538.972	103,3%
14	Thái Nguyên	2.772.820	916.705	888.549	12.792	208.973	368.443	111.273	108.257	2.614.992	94,3%
15	Bắc Cạn	635.280	220.792	218.900	0	14.011	126.266	25.653	24.800	630.422	99,2%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%
17	Hoà Bình	1.713.630	558.835	532.045	758	238.508	193.525	76.963	72.961	1.673.595	97,7%
18	Nghệ An	5.983.390	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	104,3%
19	Hà Tĩnh	2.387.870	804.869	740.576	0	271.975	187.855	114.027	112.309	2.231.611	93,5%
20	Lai Châu	847.910	257.166	247.118	529	108.397	101.255	54.439	48.734	817.638	96,4%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.969	503.559	0	0	433.046	66.528	62.859	1.577.961	90,6%
22	Tuyên Quang	1.517.740	493.748	491.893	0	35.763	346.673	70.237	67.026	1.505.340	99,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt
23	Hà Giang	1.748.960	491.763	480.346	538	210.899	236.171	89.409	87.032	1.596.158	91,3%
24	Cao Bằng	1.080.650	350.871	332.859	0	73.413	127.654	45.548	41.433	971.778	89,9%
25	Yên Bái	1.883.394	518.502	509.319	0	265.402	215.107	80.317	76.221	1.664.868	88,4%
26	Lào Cai	1.676.710	467.678	457.660	0	257.368	158.083	81.663	76.631	1.499.083	89,4%
27	Sơn La	2.132.070	739.958	708.180	2.362	0	392.991	143.835	132.460	2.119.786	99,4%
28	Điện Biên	1.142.760	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	1.123.723	98,3%
Cộng miền Bắc		89.138.288	29.800.725	29.028.931	911.514	6.066.992	16.662.156	3.851.091	3.717.677	90.039.086	101,0%
29	Quảng Binh	1.595.092	540.013	526.958	0	177.130	223.383	81.456	76.404	1.625.344	101,9%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.754	418.674	10.622	65.604	241.302	65.012	60.399	1.295.367	99,2%
31	TT- Huế	2.599.206	787.681	768.481	0	281.181	367.035	104.701	98.718	2.407.797	92,6%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	881.424	866.437	0	82.409	600.438	102.158	99.989	2.632.855	105,5%
33	Quảng Nam	3.209.860	1.085.449	1.054.424	32.417	419.489	365.786	132.605	130.337	3.220.507	100,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	812.822	0	125.013	526.255	114.198	112.187	2.543.299	92,3%
35	Bình Định	3.007.470	1.054.608	1.021.168	53.961	364.642	425.020	141.496	139.560	3.200.455	106,4%
36	Phú Yên	1.732.454	626.892	602.548	508	81.418	300.201	87.336	80.004	1.778.907	102,7%
37	Khánh Hòa	2.768.354	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.282	114.960	2.919.208	105,4%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.600	404.343	0	155.965	178.910	61.885	59.230	1.292.933	104,8%
39	Bình Thuận	2.720.780	915.809	889.180	7.207	280.673	211.107	132.735	130.653	2.567.364	94,4%
Cộng miền Trung		25.424.194	8.590.754	8.317.954	104.715	2.429.108	3.793.200	1.145.864	1.102.441	25.484.036	100,2%
40	Kon Tum	1.046.940	321.497	321.605	10.696	94.874	116.221	59.062	55.787	979.742	93,6%
41	Gia Lai	2.989.552	996.091	921.737	80.425	216.022	303.414	169.499	151.549	2.838.737	95,0%
42	Đắk Lắk	3.597.000	1.261.028	1.203.577	0	519.863	279.316	182.529	168.994	3.615.307	100,5%
43	Đắk Nông	1.350.840	403.319	399.800	0	212.786	142.026	68.070	65.742	1.291.743	95,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt
Cộng Tây Nguyên		8.984.332	2.981.935	2.846.719	91.121	1.043.545	840.977	479.160	442.072	8.725.529	97,1%
44	TP. HCM	20.349.820	7.396.693	6.687.328	0	682.315	4.258.860	729.652	686.196	20.441.044	100,4%
45	BR-VT	2.756.626	971.107	912.330	0	28.675	657.367	110.539	109.284	2.789.302	101,2%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.839.846	2.745.578	0	179.445	713.139	284.677	274.559	7.037.244	105,6%
47	Tiền Giang	3.881.786	1.325.431	1.280.193	131.237	105.700	831.636	156.914	158.134	3.989.245	102,8%
48	Long An	4.337.696	1.501.574	1.465.342	0	22.897	1.146.156	172.264	157.613	4.465.846	103,0%
49	Lâm Đồng	3.026.380	983.340	967.878	0	527.992	256.554	140.220	121.295	2.997.279	99,0%
50	Tây Ninh	2.715.444	948.905	896.548	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.595.342	95,6%
51	Cần Thơ	2.793.358	945.111	927.232	6.009	343.890	320.033	110.587	103.421	2.756.283	98,7%
52	Sóc Trăng	3.111.334	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	87,1%
53	An Giang	4.312.110	1.377.248	1.362.453	191.887	473.967	420.848	206.969	191.361	4.224.733	98,0%
54	Bến Tre	3.108.238	1.024.679	1.013.256	0	479.888	299.916	106.936	105.664	3.030.339	97,5%
55	Trà Vinh	2.119.610	698.874	685.171	0	14.376	519.707	98.647	94.348	2.111.123	99,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt
56	Vĩnh Long	2.621.820	779.033	765.619	0	290.698	349.957	92.890	88.112	2.366.309	90,3%
57	Đồng Tháp	3.753.906	1.161.088	1.201.523	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.347.982	89,2%
58	Bình Dương	6.322.152	2.634.142	2.196.403	0	163.789	1.380.296	199.855	167.983	6.742.468	106,6%
59	Bình Phước	2.415.804	753.459	723.118	0	221.711	262.527	109.584	100.949	2.171.348	89,9%
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.176.657	68.972	0	720.303	167.347	159.082	3.530.463	93,1%
61	Cà Mau	2.933.010	819.787	809.044	0	460.649	197.948	112.601	111.924	2.511.953	85,6%
62	Bạc Liêu	1.733.984	568.691	560.872	0	181.331	226.473	88.829	86.211	1.712.407	98,8%
63	Hậu Giang	1.551.134	532.801	514.817	0	254.239	135.810	74.042	71.613	1.583.322	102,1%
Cộng miền Nam		84.298.162	29.398.947	27.756.882	398.253	5.508.186	13.558.360	3.346.356	3.148.556	83.115.540	98,6%

Ghi chú:

- 5.787.546 liều vắc xin đợt 136-141 (1.061.760 liều vắc xin AstraZeneca và 4.725.786 liều vắc xin Pfizer) có Quyết định phân bổ ngày 08/4/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.466.765 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 372.762 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 13/4/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	80,3%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	31,4%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,3%	96,4%	38,9%	100,0%	98,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	99,2%	97,8%	78,5%	99,8%	98,2%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,5%	94,1%	49,9%	98,9%	95,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	54,7%	100,0%	97,2%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	79,3%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	86,0%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,6%	47,8%	100,0%	95,1%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,1%	41,3%	100,0%	98,6%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	50,9%	100,0%	97,6%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	96,1%	49,7%	99,8%	98,4%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	46,7%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	40,1%	100,0%	100,0%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,0%	99,4%	57,3%	100,0%	98,4%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	98,0%	93,3%	33,9%	100,0%	99,0%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	93,1%	23,6%	98,8%	97,3%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,5%	38,7%	100,0%	92,8%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,4%	85,5%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	71,0%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	100,0%	98,0%	48,2%	99,4%	96,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,2%	34,6%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,8%	42,2%	100,0%	96,3%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	35,5%	100,0%	95,9%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	96,1%	53,3%	100,0%	93,5%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	57,8%	100,0%	98,2%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,7%	97,3%	41,2%	100,0%	96,1%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,6%	92,3%	53,2%	99,2%	92,2%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,5%	47,1%	100,0%	95,7%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	99,6%	97,9%	67,8%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,9%	97,1%	33,7%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	95,3%	61,7%	99,4%	97,7%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,6%	91,6%	38,1%	96,6%	95,3%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,5%	92,7%	46,2%	100,0%	93,4%
37	Khánh Hòa	952.940	113.857	100,0%	100,0%	37,1%	100,0%	100,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,7%	43,7%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,5%	23,4%	100,0%	100,0%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.137.927	99,6%	96,4%	44,0%	100,0%	96,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,9%	34,3%	97,2%	91,8%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	97,0%	31,9%	100,0%	91,0%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,6%	95,1%	22,1%	98,3%	91,0%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	35,1%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	96,2%	28,4%	99,5%	91,8%
44	TP. HCM	6.690.998	808.824	100,0%	99,9%	63,7%	90,2%	84,8%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,4%	68,7%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	100,0%	28,6%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	63,9%	99,0%	99,8%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,9%	100,0%	94,0%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,6%	26,4%	100,0%	92,0%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,9%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,7%	97,8%	33,8%	98,1%	91,7%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	100,0%	99,3%	30,7%	100,0%	96,2%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,6%	97,5%	28,9%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	74,4%	100,0%	98,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,6%	45,5%	100,0%	96,1%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,5%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	66,8%	100,0%	93,3%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,3%	95,3%	34,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,9%	60,5%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	24,3%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	98,0%	39,6%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	25,3%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		27.692.476	3.383.802	100,0%	100,0%	49,0%	100,0%	93,0%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 13/4/2022 đến 16h00 ngày 14/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 6.441 lượt người (nhập cảnh: 3.718, xuất cảnh: 2.723).
- + Tuyến VN-TQ: 438 lượt người (nhập cảnh: 159, xuất cảnh: 279).
- + Tuyến VN-Lào: 2.136 lượt người (nhập cảnh 1.158, xuất cảnh: 978).
- + Tuyến VN-CPC: 3.867 lượt người (nhập cảnh 2.401; xuất cảnh: 1.466).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 2.534 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 2.343 người (VN-TQ: 09; VN-Lào: 213, VN-CPC: 2.121).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 156 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 156).
- + Số người trao trả: 35 người (VN-TQ: 35; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 14/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 36 tin/bài tiếng Việt; 37 ảnh trong nước và quốc tế; 16 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 5 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam.

TTXVN cập nhật thông tin về triển khai tiêm vaccine phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ở một số địa phương; phản ánh tình hình phòng, chống dịch; giám sát chặt việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19; cảnh báo của WHO cho rằng đại dịch COVID-19 vẫn là vấn đề y tế khẩn cấp toàn cầu và chính sách của các nước, vùng lãnh thổ như Trung Quốc khẳng định thực hiện nghiêm "chính sách không COVID linh hoạt"; Mỹ gia hạn quy định đeo khẩu trang; Hong Kong nới lỏng các biện pháp hạn chế; Mexico chuẩn bị tiêm vaccine diện rộng cho trẻ em ; Hàn Quốc công bố kế hoạch tiêm mũi 4 cho nhóm nguy cơ cao...

III. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 12/4, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.577.000 cuộc gọi (ngày 12/4 đã tiếp nhận và xử lý gần 3 nghìn cuộc gọi).

02/4	03/4	04/4	05/4	06/4	07/4	08/4	09/4	10/4	11/4	12/4
2630	1849	2864	3028	2898	2853	2378	2126	1404	1736	2845

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 12/4/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 12/4/2022 đã tiếp nhận 09 cuộc).

Tiêu chí	02/4	03/4	04/4	05/4	06/4	07/4	08/4	09/4	10/4	11/4	12/4
Cuộc gọi đến	17	12	18	15	13	21	14	11	08	09	09

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 44.503.553, chiếm 46,39% dân số, 66,74% số điện thoại thông minh.

3.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.787.436 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 278.178.721

3.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 208.810.706

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 196.448.036

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 94%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.751.397

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19; tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương...

- Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc giảm.

(2) Thông tin về công tác phòng, chống dịch:

- Đại diện Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế chiều ngày 12/4 cho biết, đến thời điểm này theo báo cáo của các đơn vị làm xét nghiệm, giải trình tự gen ở nước ta cho thấy chưa ghi nhận ca mắc COVID-19 nhiễm biến thể phụ mới BA.4 và BA.5 của biến thể Omicron.

- Bản tin phòng chống dịch COVID-19 ngày 12/4 của Bộ Y tế cho biết có 22.804 ca mắc COVID-19 trong cả nước. Trong ngày số bệnh nhân khỏi nhiều gấp 9 lần số mắc mới, với hơn 202.000 ca khỏi.

- WHO đưa thêm 2 biến thể phụ mới của Omicron vào danh sách cần theo dõi: Tổ chức Y tế thế giới đang theo dõi hai biến thể phụ mới của biến thể Omicron là BA.4 và BA.5, hiện đã được ghi nhận tại Nam Phi, Đan Mạch, Botswana, vùng Scotland và vùng England. WHO cho biết đã bắt đầu theo dõi các biến thể phụ này bởi "những đột biến mới này cần được nghiên cứu sâu hơn để hiểu về tác động của chúng đối với khả năng trốn hệ miễn dịch".

(3) Công tác phòng, chống dịch tại địa phương:

- TP. Hồ Chí Minh: Từ 12/4, học sinh không còn học trực tiếp theo tinh thần tự nguyện. Ông Hồ Tấn Minh, Chánh văn phòng Sở GD-ĐT, cho hay văn bản mới ban hành ngày 10/4 sẽ thay thế cho văn bản thực hiện từ ngày 25/1 cho đến nay. Thêm vào đó, Bộ đã có văn bản yêu cầu các tỉnh thành phải tổ chức dạy học trực tiếp. "Phụ huynh không thể nói tôi không an tâm, tôi cho con tôi ở nhà nữa mà tất cả đều phải đến trường học trực tiếp, trừ trường hợp phải cách ly y tế theo quy định", ông Minh nói và khẳng định: "Những HS có nguyện vọng và học trực tuyến từ sau tết đến nay, sẽ phải quay trở lại học trực tiếp".

- Hà Nội:

+ Sở Y tế Hà Nội ngày 12/4 thông báo ghi nhận 1.942 ca COVID-19. Đây là lần đầu sau hơn 100 ngày Hà Nội ghi nhận số ca mắc dưới 2.000.

+ Để chuẩn bị tốt nhất cho Chiến dịch tiêm vaccine COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi, tuần qua, ngành Y tế nhiều địa phương ở Hà Nội đã tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế các điểm tiêm cố định và lưu động về sàng lọc trước tiêm chủng và xử trí một số phản ứng sau tiêm vaccine.

Theo thống kê sơ bộ, Hà Nội có khoảng 950.000 trẻ từ 5 tới dưới 12 tuổi. Đây là các đối tượng nhỏ tuổi nên công tác tiêm chủng cần cần trọng từ khám sàng lọc đến chỉ định tiêm, tiêm và theo dõi sau tiêm...

Ninh Bình: Từ ngày 12.4, tất cả các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đều tổ chức đón trẻ đến trường trở lại sau một thời gian dài nghỉ để phòng dịch COVID-19. Tuy nhiên, trong ngày đầu đón trẻ trở lại, nhiều phụ huynh vẫn e dè chưa cho trẻ tới trường.

Trong ngày 12/4, có 41.059/63.752 trẻ tới trường, đạt tỷ lệ 64,4%. Trong đó, tỷ lệ học sinh nhà trẻ công lập tới trường đạt 55,6%, tỷ lệ nhóm mẫu giáo bậc công lập là 65,9%. Đối với các cơ sở tư thục, tỷ lệ học sinh nhà trẻ đi học đạt 71,9% và tỷ lệ học sinh nhóm mẫu giáo đạt 66,4%.